

ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH THI TUYỂN SAU ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ
62 2280 05
(Dùng cho ngành Triết học)

A. MỤC TIÊU.

Đề cương nhằm đáp ứng việc ôn tập và thi tuyển sau đại học chuyên ngành triết học (môn cơ bản) với những yêu cầu sau:

- Nắm được một cách hệ thống các nguyên lý, quy luật cơ bản của triết học Mác – Lênin (6/10).

- Trên cơ sở đó vận dụng để nhận thức các hiện tượng, quá trình xảy ra trong hiện thực, trong thực tiễn) và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào việc xây dựng đường lối phát triển đất nước (3/10).

- Có sự phê phán, đánh giá một cách khách quan. Khoa học các quan niệm, lý thuyết Triết học ngoài mác xít (1/10).

* Phạm vi kiến thức: Cơ bản theo chương trình đại học có nâng cao, tương đương 120 tiết (8 đvht); trong đó bao gồm cả tư tưởng của các nhà kinh điển: C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. NỘI DUNG.

I. Đối tượng và đặc điểm của Triết học Mác – Lênin.

1. Triết học là gì?

- Đối tượng Triết học, Triết học và khoa học cụ thể.
- Vấn đề cơ bản của Triết học
- Chức năng của Triết học
- Vai trò của Triết học trong sự hình thành và phát triển thế giới quan, nhân sinh quan và phát triển xã hội.

2. Sự ra đời, phát triển của Triết học Mác – Lênin.

- Những tiền đề của sự ra đời Triết học Mác – Lênin.
- Bản chất của bước ngoặt cách mạng trong triết học do C.Mác. Ph.Ăngghen thực hiện.
- Đối tượng, đặc điểm của Triết học Mác – Lênin.

- Yêu cầu của sự phát triển Triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay.

II. Vật chất và ý thức.

1. *Vật chất và những phương thức tồn tại của vật chất.*

- Khái quát những quan điểm triết học trước Mác về vật chất. Những đóng góp và hạn chế.
- Định nghĩa của Lênin về vật chất:
 - + Hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa của định nghĩa
- Tồn tại của vật chất:
 - + Không gian, thời gian và những hình thức tồn tại của vật chất.
 - + Vận động với tính cách là phương thức tồn tại của vật chất.
 - + Tính thống nhất vật chất của thế giới.

2. *Ý thức.*

- Khái quát những quan điểm Triết học trước Mác về ý thức.
- Quan điểm của Triết học Mác – Lênin về ý thức, nguồn gốc và bản chất của ý thức.
- Cấu trúc của ý thức: tri thức, tự ý thức, vô thức, tiềm thức và trực giác.

3. *Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức:*

- Quyết định luận duy vật và tính độc lập tương đối của ý thức.
- Vai trò của ý thức trong đời sống cá nhân và xã hội.

III. Phép biện chứng duy vật:

1. *Biện chứng và siêu hình:*

- Những đặc trưng của tư duy biện chứng, sự hình thành và phát triển phép biện chứng (các hình thức : biện chứng tự phát cổ đại, biện chứng duy tâm, biện chứng duy vật).
- Đặc trưng của tư duy siêu hình. Mặt hợp lý và hạn chế của tư duy siêu hình.

2. *Phép biện chứng duy vật – khoa học về mối liên hệ phổ biến và phát triển.*

Nội dung, tính chất, ý nghĩa phương pháp luận.

- ### **3. *Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật*** (phép biện chứng duy vật – khoa học về những quy luật chung nhất, phổ biến nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy).

- *Quy luật 1.* Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.
 - Vị trí của quy luật trong phép biện chứng.
 - Nội dung:
 - + Các khái niệm: mặt đối lập, thống nhất của các mặt đối lập, đấu tranh của các mặt đối lập.
 - + Mâu thuẫn và chuyển hóa.
 - Vai trò của thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập trong quá trình tồn tại, vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng.
 - Ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn của quy luật.
- *Quy luật 2:* Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại.
 - Vị trí của quy luật trong phép biện chứng.
 - Nội dung quy luật:
 - + Các khái niệm: chất, lượng, độ, nút.
 - + Biện chứng giữa chất và lượng.
 - Ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn của quy luật.

4. Các phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật:

- Cái chung – cái riêng
- Bản chất – hiện tượng
- Nội dung – hình thức
- Nguyên nhân – kết quả
- Tất nhiên - ngẫu nhiên
- Khả năng – hiện thực
 - + Nội dung phạm trù, sự chuyển hóa biện chứng giữa các phạm trù.
 - + Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu các cặp phạm trù.

VI. Lý luận nhận thức của Triết học Mác – Lênin.

1. Những nguyên tắc và bản chất của nhận thức luận duy vật biện chứng.

- Những nguyên tắc.
- Bản chất của nhận thức, chủ thể và khách thể nhận thức.

2. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với quá trình nhận thức.

- Khái niệm và các hình thức thực tiễn.
- Vai trò của thực tiễn đối với quá trình nhận thức.
- Ý nghĩa.

3. Quy luật phát triển nhận thức: Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn.

- Trực quan sinh động, tư duy trừu tượng.
- Sự thống nhất và khác biệt giữa trực quan sinh động và tư duy trừu tượng.
- Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn – nguyên tắc tối cao của nhận thức luận duy vật biện chứng. Tri thức kinh nghiệm và tri thức lý luận.
- Vai trò của chân lý – nhận thức và yêu cầu vận dụng chân lý.
- Ý nghĩa.

V. Hình thái kinh tế xã hội.

1. Khái lược một số quan điểm chung về xã hội.

- Quan điểm của triết học trước Mác về xã hội.
- Quan điểm của triết học trước Mác về xã hội (cách tiếp cận).
- Tự nhiên và xã hội. Quy luật tự nhiên và quy luật xã hội. Tác động của quy luật khách quan (QLTN, QLXH) đối với sự vận động và phát triển xã hội.

2. Phạm trù hình thái kinh tế xã hội.

- Cách tiếp cận.
- Nội dung, kết cấu hình thái kinh tế xã hội, ý nghĩa.

3. Biện chứng giữa các yếu tố của hình thái kinh tế xã hội.

- Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất- quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất:

+ Các khái niệm: phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, kết cấu.

+ Mỗi quan hệ biện chứng.

+ Sự phát triển của các phương thức sản xuất trong lịch sử.

+ Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đường lối xây dựng và phát triển kinh tế nước ta trong giai đoạn đổi mới (từ Đại hội VI đến Đại hội VIII).

- Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng xã hội:

+ Các khái niệm: cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng.

+ Mỗi quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.

+ Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng ở Việt Nam hiện nay.

4. Sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.

- Những nội dung cơ bản của luận điểm.
- Ý nghĩa của luận điểm đối với nhận thức, xây dựng con đường phát triển đất nước.

VI. Vấn đề giai cấp, dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội.

1. Giai cấp.

- Khái niệm, nguồn gốc, kết cấu giai cấp.
- Đấu tranh giai cấp là động lực của sự phát triển xã hội trong xã hội có giai cấp.
- Đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

2. Dân tộc.

- Khái niệm dân tộc, sự xuất hiện (hình thành) dân tộc.
- Mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc.
- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

3. Nhà nước.

- Nguồn gốc, đặc trưng, bản chất, chức năng của nhà nước, các kiểu và hình thức nhà nước.

- Đặc điểm của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay.

4. Cách mạng xã hội.

- Khái niệm và đặc trưng của cách mạng xã hội.
- Vai trò của cách mạng xã hội trong sự phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội.

VII. Cá nhân và xã hội. Vai trò của quần chúng nhân dân và vĩ nhân trong lịch sử.

1. Cá nhân và xã hội.

- Cá nhân
- Quan hệ giữa cá nhân và xã hội
- Những tiền đề phát triển cá nhân

2. Vai trò của quần chúng nhân dân, và vĩ nhân trong lịch sử.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam với tư tưởng “dân là gốc” và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và mục tiêu “Tất cả vì con người, cho con người”.

VIII. Ý thức xã hội và các hình thái ý thức xã hội.

1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội.

- Khái niệm tồn tại xã hội và kết cấu của tồn tại xã hội.
- Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội, ý thức xã hội và ý thức cá nhân.

2. Mối quan hệ giữa tồn tại xã hội, ý thức xã hội.

- Ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội, do tồn tại xã hội quyết định.
- Tính độc lập tương đối và tác động trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội.
- Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh – nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Ý nghĩa thực tiễn: quan hệ giữa phát triển kinh tế, ổn định đời sống, đẩy mạnh CNH, HĐH và phát triển đời sống văn hóa tinh thần trong giai đoạn hiện nay.

3. Một số hình thái ý thức xã hội căn bản và vai trò của chúng.

- Ý thức chính trị.
- Ý thức pháp quyền.
- Ý thức nghệ thuật.
- Ý thức tôn giáo.
- Ý thức khoa học.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh biên soạn), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1999.

2. *Triết học Mác – Lênin* (Đề cương bài giảng), Nxb. Giáo dục đào tạo (1992, 1993, 1994).

3. *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* do Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh xuất bản (1995, 1996).

4. *Triết học (Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành Triết học)* - T1,T2, T3- Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995.

5. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc: lần thứ VI, VII, VIII; Các nghị quyết của BCH Trung ương: 2, 4, 5 khóa VIII.*

6. *Các tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lênin.*

- Chống Duy rìng, biện chứng tự nhiên.
- Hệ tư tưởng Đức.
- Luận cương về Phoi – ơ – bắ.
- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.
- Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán.
- Bút ký triết học.
- Những người bạn dân.
- Nhà nước và cách mạng.

(Những tư tưởng luận điểm quan trọng của các nhà kinh điển liên quan đến những vấn đề ôn tập).

CÂU HỎI VÀ HƯỚNG DẪN ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ TRIẾT HỌC – PHẦN PHƯƠNG TÂY

(dành cho thí sinh thi tuyển cao học, NCS chuyên ngành Triết học)

1. Trình bày khái quát và đánh giá các hình thức lịch sử cơ bản của chủ nghĩa duy vật

Trong quá trình phát sinh và phát triển của mình chủ nghĩa duy vật trải qua các hình thức cơ bản sau:

1. *Chủ nghĩa duy vật chất phác, ngây thơ* (ở CNDV tự phát, xét theo cơ sở, quá trình hình thành lẫn trình độ của nó) tại các nước phương Đông(Ấn Độ, Trung Quốc...) và Hy Lạp, La Mã cổ đại là hình thức đầu tiên của chủ nghĩa duy vật. Các nhà triết học bước đầu vượt qua thế giới quan huyền thoại, mà thần thoại là hạt nhân của nó, giải thích nguyên nhân thế giới từ chính các *yếu tố vật chất* sẵn có của thế giới (đất, nước, lửa, không khí...), xem xét sự hình thành của các sự vật một cách *tự thân*. Đạt được thành quả đó là nhờ chủ nghĩa duy vật ngay từ khi mới ra đời đã có *mối liên hệ hữu cơ với sự phát triển khoa học*, nhất là khoa học tự nhiên, dù đang còn ở trong tình trạng tản mạn, sơ khai, chưa chuyên biệt hóa.

Tính chất ấu trĩ (chất phác, ngây thơ) của chủ nghĩa duy vật cổ đại gắn với trình độ nhận thức chung của loài người thời kỳ này. Phần lớn nhận định của chủ nghĩa duy vật căn cứ vào sự *quan sát trực tiếp, sự cảm nhận hay suy tưởng của các triết gia*, mà chưa được luận chứng bằng chất liệu sống động của tri thức khoa học. Cách đặt vấn đề về “bản nguyên”, hay viên gạch đầu tiên xây nên tòa lâu đài vũ trụ, xét theo quan điểm

vật lý học hiện đại, cũng chưa thỏa đáng. Bên cạnh đó do chịu sự quy định của điều kiện kinh tế, văn hóa của xã hội, nhiều nhà duy vật chưa chấm dứt hẳn sự ràng buộc của thế giới quan nguyên thủy (vật hoạt luận, vật linh thuyết, nhân hình hóa...) và các yếu tố huyền học (occultism).

Trong lịch sử chủ nghĩa duy vật chất phác tại Hy Lạp cổ đại, nguyên tử luận duy vật, do Lơxíp sáng lập, Đêmôcrít (và sau này, trong thời kỳ Hy Lạp hóa có thêm Êpikyra đã thực hiện *nhân bản hóa nguyên tử luận*) phát triển, chiếm vị trí đặc biệt, là điển hình cho tư tưởng duy vật cổ đại. Hơn thế nữa, thông qua nguyên tử luận duy vật, *cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm* ngay từ buổi ban đầu đã trở nên gay gắt, quyết liệt. Cuộc đấu tranh đó làm nên động lực của sự phát triển tư duy triết học trong hơn hai ngàn năm qua. Đóng góp của nguyên tử luận vào hình thức đầu tiên của chủ nghĩa duy vật là ở chỗ, *thứ nhất*, đã xác lập bức tranh phi nhân hình về thế giới, căn cứ trên suy đoán về nguyên tử như cái bé nhất, bất khả phân, cơ sở của sự tồn tại và biến đổi trong thế giới, và hư không, như bể chứa các nguyên tử; *thứ hai*, giải thích các sự vật, hiện tượng, quá trình diễn ra trong thế giới theo *tính tất yếu tự nhiên*; *thứ ba*, vận dụng nguyên tử luận vào việc phân tích bản chất con người và xã hội, phủ nhận quan điểm về tính bất tử của linh hồn, ủng hộ nhiệt thành nền dân chủ; *thứ tư*, kích thích tư duy khoa học thông qua cách đặt vấn đề về nguyên tử như giới hạn của thế giới vật chất.

V.I. Lênin trong *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* đã cô đọng cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm bằng hình ảnh “đường lối Đêmôcrít” và “đường lối Platôn”.

2. *Chủ nghĩa duy vật máy móc - siêu hình* (có thể gọi một cách cô đọng là *Chủ nghĩa duy vật siêu hình*) ở châu Âu Phục hưng (cuối thế kỷ XIV – thế kỷ XVI) và cận đại (thế kỷ XVII - nửa đầu thế kỷ XIX) là hình thức lịch sử thứ hai của chủ nghĩa duy vật. Nó bắt đầu từ tư tưởng duy vật trong việc xác lập bức tranh vật lý về thế giới ở các nhà khoa học Phục hưng (Copernic, Bruno, Galilei...) đến các nhà duy vật thế kỷ XVII tại Anh, Pháp, Hà Lan, Italia, đặc biệt chủ nghĩa duy vật vô thần Pháp thế kỷ XVIII với La Mettrie, Diderot, Holbach, Helvétius... và kết thúc ở chủ nghĩa duy vật nhân bản Feuerbach tại Đức, trước khi được thay thế bằng hình thức tiếp theo.

Về *thế giới quan*, tập trung chủ yếu ở khía cạnh *bản thể luận*, tìm hiểu về tồn tại của *giới tự nhiên*, *thế giới vật chất*, chủ nghĩa duy vật thời kỳ này phát triển trong mối liên hệ với khoa học tự nhiên. Nhờ biết dựa vào các thành tựu khoa học các nhà duy vật đã xác lập được các bức tranh mới về thế giới, bước đầu đưa ra những nhận định hợp lý về tự nhiên, các quy luật của nó, phát triển tinh thần hoài nghi và phê phán đối với chủ nghĩa giáo điều và giả khoa học. Trong quan niệm về vật chất, chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII – XVIII có bước phát triển mới so với thời cổ đại. Thay vì cuộc tranh luận về bản nguyên thế giới, các nhà duy vật đã tiếp cận thế giới vật chất từ góc độ bản thể luận, lý giải vấn đề này trên cơ sở khái quát hóa toàn bộ *tính vật chất* của vũ trụ, tự nhiên, đi đến tư tưởng về tính thống nhất vật chất của thế giới. Đêcác (Descartes) trong *Vật lý học* tuyên bố: “Hãy cho tôi vật chất, tôi sẽ xây nên thế giới”. Xpinoza (Spinoza) xem thực thể (substance) như “nguyên nhân tự nó” (causa sui); các nhà duy vật khác nói về

tính tích cực nội tại của vật chất. Đặc biệt các nhà duy vật Pháp thế kỷ XVIII như La Mếttri (La Mettrie), Đidơrô (Diderot), Hônbach (Holbach) ... thông qua cách hiểu về tính quy luật tự thân và tính vĩnh viễn, không do ai sáng tạo của vật chất, tìm hiểu các hình thức vận động của vật chất, xem vận động như mọi sự thay đổi nói chung, đã đến gần với hình thức hiện đại của chủ nghĩa duy vật.

Về *nhận thức luận*, tinh thần hoài nghi và phê phán làm nên giá trị của chủ nghĩa duy vật trong cuộc đấu tranh chống triết học kinh viện và tư duy phản khoa học. Bêcon (F. Bacon) phê phán những “ảo tưởng”, hay những “bóng ma” của nhận thức, vạch ra thực chất nền quân chủ, tức uy quyền trong sinh hoạt khoa học, đả phá triết học kinh viện; Hôpxơ (T.Hobbes) loại trừ Thượng đế ra khỏi đối tượng nghiên cứu, quy mọi đối tượng về “vật thể”, từ vật thể tự nhiên đến vật thể xã hội; Lôccơ (J.Locke) và các nhà duy vật Pháp thế kỷ XVIII giương cao ngọn cờ đấu tranh chống thần quyền, phê phán trật tự xã hội “phi lý”, “phi nhân tính”. Phê phán cái cũ, các nhà duy vật xác lập phương pháp nhận thức khoa học giúp con người khẳng định quyền lực của mình trước tự nhiên. Cũng như triết học nói chung, trong phạm vi chủ nghĩa duy vật hình thành hai khuynh hướng cơ bản, phụ thuộc vào cách tiếp cận đối với khoa học và trình độ nhận thức của thời đại. Khuynh hướng kinh nghiệm (trường phái Anh) dựa trên kết quả của khoa học tự nhiên thực nghiệm, nhấn mạnh vai trò của cảm giác, kinh nghiệm như nguồn gốc tri thức, chú trọng nấc thang “trực quan cảm tính” của nhận thức, chủ trương phương pháp quy nạp; khuynh hướng duy lý dựa trên kết quả của khoa học tự nhiên lý thuyết và toán học, nhấn mạnh vai trò của “trí tuệ tự thân”, hay “trực giác trí tuệ”, chú trọng nấc thang “tư duy trừu tượng” của nhận thức, chủ trương phương pháp diễn dịch – toán học.

Về *vấn đề nhân sinh, xã hội*, phần lớn các nhà duy vật là những nhà nhân văn, khai sáng tiêu biểu của thời đại. Bêcon đề cao sức mạnh của khoa học, gợi mở về một xã hội lý tưởng tôn vinh quyền lực của tri thức (tuyên bố “tri thức là quyền lực”), Hôpxơ nhấn mạnh tính chất pháp quyền của nhà nước dưới vỏ bọc của hình ảnh Leviathan – Đấng chúa tể hùng mạnh, Lôccơ nêu lên nguyên tắc phân quyền, đặt nền móng cho chủ nghĩa tự do và quan điểm khoan dung tôn giáo, các nhà duy vật Pháp thế kỷ XVIII giương cao ngọn cờ “Tự do – Bình đẳng – Bác ái”, làm sâu sắc thêm tư tưởng phân quyền, cụ thể hóa nguyên tắc thống nhất quyền con người và quyền công dân. Các nhà duy vật bằng các tác phẩm của mình đã tham gia vào quá trình thiết lập mô hình “nhà nước hợp lý tính”, đề cao hình ảnh “con người lý trí” và các giá trị nhân văn chủ đạo.

Bên cạnh đó điều kiện lịch sử thế kỷ XVII – XVIII tác động đến sự phổ biến tính chất máy móc, siêu hình, quan niệm duy tâm về lịch sử ở nhiều nhà duy vật.

Về *thế giới quan*, sự thống trị của cơ học đã ảnh hưởng đến cách thức tư duy của đa phần các nhà duy vật. Dưới tác động của cơ học và xu thế toán học hóa tư duy, các nhà triết học (nhất là các nhà triết học thế kỷ XVII) quy các quá trình của tự nhiên vào dạng vận động cổ điển là *vận động cơ học* (vận động hiểu như sự chuyển dịch, sự thay thế vị trí các vật thể trong không gian), xem con người và các thiết chế xã hội như hệ thống máy móc phức tạp (công thức: “con người - cỗ máy”), đồng nhất vật chất với

vật thể (Hópxơ, Đécácơ...), với *nguyên tử*, hay với các chất giả định mang các loại trường, Tính chất *máy móc* tất yếu gắn với tính chất *siêu hình*, nghĩa là trong khi nỗ lực đào sâu từng mặt, từng thuộc tính của sự vật, khám phá bản chất sâu kín của vạn vật (siêu hình), các nhà triết học duy vật xem xét chúng trong trạng thái tách biệt, ngưng đọng, chưa vạch ra một cách thấu đáo mối liên hệ, tác động, chuyển hóa lẫn nhau giữa chúng, cũng như không đưa ra lời giải đáp hợp lý về nguồn gốc và động lực của vận động và phát triển. Ở góc độ *nhận thức luận* sự phân cực giữa khuynh hướng kinh nghiệm và khuynh hướng duy lý cho thấy tính cực đoan, phiên diện của triết học thời kỳ này nói chung, chủ nghĩa duy vật nói riêng (một khuynh hướng bám sát vào khoa học thực nghiệm, đề cao thái quá kinh nghiệm, cảm giác, trực quan sinh động, phương pháp quy nạp, khuynh hướng khác lại thiên về khoa học tự nhiên lý thuyết và toán học, tuyệt đối hóa “trí tuệ tự thân”, tư duy trừu tượng, phương pháp diễn dịch), không thấy rằng trong nghiên cứu khoa học cần có cách tiếp cận toàn diện, thống nhất các phương pháp để đạt được hiệu quả tốt nhất, đáng tin cậy.

Trong *quan điểm xã hội* tính chất duy tâm thể hiện ở việc xác định động lực cơ bản của lịch sử (xem xét động lực của tiến bộ xã hội qua lăng kính của giáo dục, hoặc sự thay thế các hình thức sinh hoạt tinh thần), cách hiểu về thực tiễn, về vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử.

Chủ nghĩa duy vật máy móc – siêu hình (hay đơn giản là CNDV siêu hình) là hình thức lịch sử thứ hai trong chủ nghĩa duy vật.

3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng, ra đời vào những năm 40 của thế kỷ XIX, đã khắc phục tính chất phiên diện của chủ nghĩa duy vật lần phép biện chứng thời trước, tạo nên sự thống nhất hữu cơ chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng, sự thống nhất về thế giới quan và phương pháp luận.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng gắn liền trước hết với tên tuổi của C. Mác và Ph. Ăngghen, là hình thức hiện đại của chủ nghĩa duy vật, đánh dấu bước chuyển từ tư duy “cổ điển” truyền thống, bắt đầu từ thời cổ đại sang phương pháp tiếp cận mới đối với các vấn đề tự nhiên, xã hội và con người. Sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng đánh dấu bước ngoặt có tính cách mạng trong lịch sử tư tưởng triết học, làm tăng thêm vị trí và vai trò của triết học trong đời sống xã hội.

Thứ nhất, CNDVBC khắc phục sự đối lập giữa hệ thống và phương pháp trong chủ nghĩa duy vật (điển hình là Phoiơbắc) và phép biện chứng trong lịch sử (điển hình là Hêghen).

Thứ hai, các nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng đã được thể hiện một cách sinh động và sáng tạo trong việc phân tích tiến trình lịch sử - xã hội, hình thành *quan niệm duy vật về lịch sử* (chủ nghĩa duy vật lịch sử), khắc phục hạn chế của chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII – XVIII và Phoiơbắc (Feuerbach) [nhắc lại nhận định của Mác và Ăngghen về Phoiơbắc trong *Hệ tư tưởng Đức*], qua đó khẳng định CNDV do Mác và Ăngghen sáng lập là *CNDV triệt để* trong quan niệm về tự nhiên, xã hội và tư duy.

[**Kiến thức mở rộng**: Trong tác phẩm *Mác người vượt trước thời đại* Đ. Benxai đơ cho rằng công lao lịch sử của Mác là đã đem đến cách viết mới về lịch sử. Cách viết